

Số: 115/BC-CTK

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Ba, ước quý I năm 2017

Trong quý I/2017, mặc dù có thời gian nghỉ Tết dài nhưng ngay từ những ngày đầu năm Thành phố đã triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, một số kết quả chủ yếu trong quý I năm 2017 đạt được như sau:

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,06%; vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng 9,5%; tổng mức bán hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 7,6%; kim ngạch xuất khẩu tăng 2,1%, chỉ số giá tiêu dùng vẫn ổn định, không xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá; Môi trường đầu tư được cải thiện rõ nét, chỉ số PCI tăng 10 bậc, xếp thứ 14/63 (cao nhất từ trước đến nay). Bên cạnh đó, Hà Nội có những khó khăn đặc thù về tốc độ đô thị hóa rất nhanh, dân số tăng cao, cơ sở hạ tầng quá tải và chưa đồng bộ,... tạo áp lực lớn trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I năm 2017 tăng 7,06% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Giá trị tăng thêm ngành nông lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 0,54% so cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,02 điểm phần trăm mức tăng chung. Quý I năm 2017, nhìn chung, năng suất của hầu hết các loại cây trồng vụ Đông đều tăng so cùng kỳ, nhưng do diện tích gieo trồng giảm 8,8%, trong đó, cây trồng chính vụ Đông là đậu tương giảm 34,8% nên sản lượng vụ Đông giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: đậu tương giảm 26,8%; ngô giảm 3,9%; khoai lang giảm 7,1%,... Tình hình chăn nuôi nhìn chung phát triển mạnh, nhất là các trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm; Tuy nhiên vì đầu tư tăng nhanh, nhưng thị trường đầu ra chưa ổn định, do vậy trong quý I/2017 sản phẩm thịt hơi xuất chuồng bị rớt giá, người chăn nuôi bị ảnh hưởng, nhất là những hộ mới đầu tư chăn nuôi lợn.

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp - xây dựng quý I năm 2017 tăng 6,99% so cùng kỳ năm trước, đóng góp 1,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung. riêng khối công nghiệp tăng 6,2%, đóng góp 1,28 điểm phần trăm vào tốc độ tăng chung... Sản xuất công nghiệp tăng so cùng kỳ nhưng mức tăng không cao. Các doanh nghiệp xây dựng vẫn giữ được đà phát triển, nhiều dự án phát triển hạ tầng được tập trung thi công, đặc biệt những dự án phát triển hạ tầng, phát triển đô thị đã được chủ đầu tư và các nhà thầu tập trung triển khai thi công ngay từ những ngày đầu năm.

Giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ tăng 7,26% so cùng kỳ năm trước (đóng góp 4,51% điểm phần trăm vào mức tăng chung). Một số ngành giữ được mức tăng trưởng ổn định: Ngành bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (tăng 7,55%), đây là một dấu hiệu tốt của khu vực dịch vụ, vì ngành thương mại chiếm tỷ trọng khá lớn trong khu vực này (đóng góp 1,47%); Ngành vận tải kho bãi (tăng 7,79%); thông tin và truyền thông (tăng 7,68%)... Các ngành dịch vụ còn lại đều tăng trưởng từ 5,6% trở lên.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I năm 2017

	Quý I 2017 (Tỷ đồng)	Tốc độ tăng Q1/2017 so cùng kỳ (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (%)
Tổng số	120.961	7,06	7,06
<i>Chia ra</i>			
- Nông lâm thủy sản	3.534	0,54	0,02
- Công nghiệp xây dựng	29.418	6,99	1,70
+ <i>Công nghiệp</i>	24.697	6,20	1,28
+ <i>Xây dựng</i>	4.721	11,32	0,42
- Dịch vụ	75.322	7,26	4,51
- Thuế nhập khẩu và thuế sản phẩm	12.687	7,93	0,83

2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Tình hình sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Ba tăng 7,2% so tháng trước và tăng 13,6% so cùng kỳ. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 7,2% và giảm 22,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,5% và 14%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 0,4% và 9,5%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,9% và 7,2%.

Ước tính quý I năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,8% so cùng kỳ, trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 63,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,2%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 7,3%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1%.

Nhìn chung, sản xuất công nghiệp trong quý I/2017 có mức tăng trưởng nhưng không được cao so cùng kỳ. Một số công ty khai khoáng giảm mạnh do chủ trương hạn chế khai thác tài nguyên gây ảnh hưởng đến môi trường và an ninh đề điều, dòng chảy của sông. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng trưởng không cao do một số ngành chiếm tỷ trọng lớn sản xuất tăng trưởng thấp như: Sản xuất chế biến thực phẩm, chiếm tỷ trọng 4,3%, tăng 3,7% so cùng kỳ; Sản xuất điện tử, máy tính và sản phẩm quang học, chiếm tỷ trọng 12,4%, tăng 4,1%; Sản xuất xe có động cơ, chiếm tỷ trọng 4,8%, giảm 4,6%; Sản xuất đồ uống, chiếm tỷ trọng 5%, tăng 0,8%... *(Do xuất phát điểm của giai đoạn nền kinh tế phục hồi. Năm 2016 nền kinh tế đã phục hồi và bứt phá vượt qua giai đoạn sản xuất cầm chừng và đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, Năm 2017 sản xuất bắt đầu ổn định nên sẽ tăng trưởng chậm hơn so thời kỳ năm 2016).*

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của thành phố Hà Nội tháng Ba và 3 tháng so cùng kỳ như sau: Bánh kẹo các loại tăng 9,6% và tăng 14,9%; Bia đóng chai tăng 8,9% và 1,2%; thuốc lá đầu lọc tăng 12,2% và tăng 9,2%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 89,8% và tăng 24%; cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ tăng 86,3% và tăng 41%; tủ lạnh sử dụng trong gia đình tăng 67,5% và tăng 6,3%; bàn gỗ các loại giảm 0,9% và giảm 6%;...

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Hai tăng 35,2% so tháng trước và tăng 35,1% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số tiêu thụ sản phẩm cộng dồn 2 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 tăng 10,3%; Trong đó, những ngành có chỉ số tiêu thụ sản phẩm tăng khá so với bình quân chung toàn ngành như: Sản xuất sản phẩm thuốc lá (tăng 17,8%); Sản xuất trang phục (tăng 33,8%); Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, mây tre giang đan (tăng 24,3%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (tăng 66%); Sản xuất hóa chất (tăng 11,2%); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (tăng 31,5%); Sản xuất sản phẩm cao su, plastic (tăng 23,5%); Sản xuất thiết bị điện (tăng 23,1%);

Sản xuất xe có động cơ (tăng 15,8%); Sản xuất phương tiện vận tải khác (tăng 30,7%)...

Bên cạnh tín hiệu tích cực từ chỉ số tiêu thụ sản phẩm thì chỉ số tồn kho sản phẩm ngành công nghiệp chế biến chế tạo tháng Hai đứng ở mức khá cao so cùng kỳ (tăng 65,1%). Tuy nhiên hầu hết các ngành sản phẩm đều có chỉ số tồn kho sản phẩm giảm so với cùng kỳ như: Sản xuất chế biến thực phẩm (giảm 2,2%); Sản xuất đồ uống (giảm 4,4%); Chế biến gỗ (giảm 15,7%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (giảm 15,2%); Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (giảm 12,9%), sản xuất kim loại (giảm 38,4%)...

2.2. Tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp

Tình hình sử dụng lao động ở các doanh nghiệp công nghiệp ổn định, chỉ số sử dụng lao động dao động không đáng kể. Ước tính tháng Ba, chỉ số sử dụng lao động tăng 0,2% so với tháng trước và giảm 1,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực kinh tế Nhà nước tăng 0,1% và giảm 1,1%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 0,5% và giảm 14,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,1% và tăng 4,8%.

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2017 chỉ số sử dụng lao động giảm 0,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực kinh tế nhà nước giảm 0,3%; kinh tế ngoài nhà nước giảm 11,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 4,6%.

3. Vốn đầu tư và đăng ký doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư

Việc phân bổ kế hoạch và điều hành ngân sách đầu tư XDCB có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, Thành phố đã tập trung nguồn vốn cho các dự án hoàn thành trong năm, dự án dân sinh bức xúc đảm bảo hiệu quả, tránh dàn trải, không để phát sinh nợ XDCB; Trong quý I, chỉ bố trí vốn khởi công cho các dự án thật sự cấp bách, đáp ứng đủ các điều kiện như: nằm trong qui hoạch, kế hoạch đã được duyệt, đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Khuyến khích, huy động các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng bằng các hình thức đầu tư hợp tác công tư (PPP), triển khai đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sản phẩm có sức cạnh tranh cao.

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố Hà Nội quý I năm 2017 ước đạt 49.908 tỷ đồng, tăng 9,5% so cùng kỳ. Trong đó, vốn nhà nước trên địa bàn đạt 18.039 tỷ đồng, giảm 6% so cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước đạt 27.205 tỷ đồng, tăng 24%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 4.663 tỷ đồng, tăng 4,8%.

Trong tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn, vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 5.594 tỷ đồng, tăng 2,8% so cùng kỳ.

Năm 2017, thành phố tập trung xúc tiến đầu tư vào các dự án lớn, đồng thời lập danh mục các dự án có tiềm năng để phối hợp chặt chẽ với các nhà đầu tư, triển khai nghiên cứu thực hiện thủ tục đầu tư và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) để sớm đưa dự án vào thực hiện. Ước tính quý I/2017 khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.663 tỷ đồng, tăng 4,8% so cùng kỳ.

Tiến độ thực hiện một số dự án trên địa bàn Thành phố trong quý I/2017.

- Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội: Dự án gồm 9 gói thầu chính, hiện nay đã triển khai thực hiện các gói thầu, riêng gói thầu số 4 – Hạ tầng kỹ thuật đề pơ đang chuẩn bị hồ sơ thanh lý hợp đồng.

- Đầu tháng Một, Hà Nội khánh thành tuyến phố nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đê Tả ngạn sông Hồng, quá trình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn như giải phóng mặt bằng 470 cơ quan, nhà dân, tái định cư hơn 100 gia đình. Tuy nhiên, tuyến đường đã hoàn thành trước một năm, góp phần giảm thiểu ùn tắc giao thông, giảm tải cho đường Nguyễn Văn Cừ, đường Nguyễn Văn Linh, nút giao cắt cầu Chui, đường đê Long Biên - Bát Tràng... Đây là một trong số các công trình chào mừng 87 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đầu tháng Ba, dự án nhà máy nước mặt sông Đuống do Công ty cổ phần nước mặt sông Đuống làm chủ đầu tư đã được khởi công với tổng vốn đầu tư gần 5.000 tỉ đồng, được triển khai trên diện tích 62 ha, thuộc địa bàn hai xã Phù Đồng và xã Trung Màu huyện Gia Lâm. Dự án có hệ thống đường ống truyền dẫn nước sạch với chiều dài 76 km, với hai đoạn đi qua lòng sông Hồng, sông Đuống và nhiều đoạn đi qua đường sắt, đường bộ để cung cấp nguồn nước sạch cho 168 xã, phường thuộc 8 quận, huyện ở khu vực phía Đông Bắc và phía Nam thành phố Hà Nội; các khu đô thị, khu công nghiệp trên đường 179 và một số vùng phụ cận.

- Đầu tháng Ba, cầu vượt tại nút giao giữa đường Cổ Linh và đường đầu cầu Vĩnh Tuy đã được khánh thành và thông xe, dự án có tổng mức đầu tư trên 160 tỷ đồng. Đây cũng là 1 trong 8 công trình trọng điểm của thành phố nhằm đảm bảo an toàn giao thông đã được Thủ tướng phê duyệt thực hiện theo lệnh khẩn cấp, cấp bách và áp dụng hình thức giao thầu. Dự án có chiều dài 211m, có 2 làn xe, mặt cắt ngang 12m, móng cọc bê tông cốt thép, xây dựng đồng bộ hệ thống chiếu sáng, xén hè...

3.2. Đầu tư nước ngoài và thành lập doanh nghiệp

Trong quý I/2017 có 122 dự án đầu tư nước ngoài đăng ký với số vốn đăng ký 580 triệu USD, tương đương 12,8 nghìn tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm và bằng 70,3% so với quý I năm 2016 (*Trong đó, đã tăng vốn 319,8 triệu USD của dự án nước giải khát Coca-Cola Việt Nam*), cũng trong quý I ước tính có 5.800 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 12% so cùng kỳ với số vốn đăng ký 39,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ.

4. Thương mại dịch vụ

4.1. Nội thương

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Ba đạt 182.185 tỷ, tăng 0,9% so tháng trước và tăng 7,7% so cùng kỳ năm trước (trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 42.365 tỷ đồng, tăng 1,3% so tháng trước và tăng 6,9% so cùng kỳ).

Ước tính quý I/2017, tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 549.032 tỷ đồng, tăng 7,6% so cùng kỳ (trong đó, tổng mức bán lẻ và dịch vụ đạt 127.402 tỷ đồng, tăng 7,1%). Trong tổng mức bán ra, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 160.447 tỷ đồng, chiếm 29,2% và tăng 9% so cùng kỳ; kinh tế ngoài nhà nước đạt 362.242 tỷ đồng, chiếm 66%, tăng 7%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 26.343 tỷ đồng, chiếm 4,8%, tăng 7,9%.

Quý I năm 2017, ước tính doanh thu dịch vụ tăng 5,7% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 5,8% do thị trường bất động sản hiện nay đang có xu hướng phục hồi tích cực, giá bất động sản đã có xu hướng tăng nhẹ ở một số phân khúc, niềm tin của người mua nhà đã dần khôi phục và được củng cố.

4.2. Ngoại thương

- *Xuất khẩu*: Tháng Ba, trị giá xuất khẩu ước đạt 829 triệu USD, tăng 16,6% so tháng trước và giảm 8,8% so cùng kỳ (trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 687 triệu USD, tăng 16,5% so tháng trước và giảm 7% so cùng kỳ).

Ước tính quý I/2017, kim ngạch xuất khẩu đạt 2.385 triệu USD, tăng 2,1% so cùng kỳ (trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 1.978 triệu USD, tăng 2,8%). Một số nhóm hàng xuất khẩu tăng cao so cùng kỳ là xăng dầu, tăng 20,7%; máy móc thiết bị phụ tùng, tăng 14,4%; phương tiện vận tải và phụ tùng, tăng 24%...

Quý I/2017, nhóm hàng nông sản kim ngạch xuất khẩu giảm 25,1% so cùng kỳ do hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chính như gạo, giảm 28,2% so cùng kỳ; cà phê, giảm 10,6%; hạt tiêu, giảm 47%;... các mặt hàng này đều sụt giảm cả

về giá và khối lượng vì chịu tác động nhiều từ biến động của giá cả thị trường thế giới và ảnh hưởng lớn từ các yếu tố thời tiết.

- *Nhập khẩu*: Tháng Ba, trị giá nhập khẩu đạt 2.194 triệu USD, tăng 0,6% so tháng trước và giảm 0,5% so cùng kỳ (trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 959 triệu USD, tăng 0,9% và giảm 4%). Ước tính quý I/2017, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 6.353 triệu USD, tăng 16,5% so cùng kỳ (trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 2.764 triệu USD, tăng 12,7%). Trong quý, hầu hết các mặt hàng đều có kim ngạch nhập khẩu tăng, một số mặt hàng tăng mạnh so cùng kỳ là xăng dầu, tăng 20%; sắt thép tăng 17%...

4.3. Du lịch

- *Khách quốc tế*: Tháng Ba, khách quốc tế đến Hà Nội ước đạt 360 nghìn lượt người, tăng 21,8% so tháng trước và tăng 3,6% so cùng kỳ. Tính chung 3 tháng, khách quốc tế đến Hà Nội ước đạt 932 nghìn lượt người, tăng 9,4% so cùng kỳ năm trước. *Chia theo mục đích chuyến đi*: khách quốc tế đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng tăng 8,3%; khách đến vì công việc tăng 16,1%;... *Chia theo phương tiện đến*: khách đi bằng đường hàng không tăng 13,4% so cùng kỳ; đến bằng đường biển, đường bộ giảm 11,7%. *Chia theo quốc gia đến*: khách đến từ Trung Quốc tăng 19,9%; Hàn Quốc tăng 21,1%; Malaysia tăng 15,1%; Pháp tăng 10,9%;...

Hiện nay, trong khi tình hình chính trị ở một số quốc gia đang bất ổn thì Việt Nam lại là điểm đến an toàn cho du khách nên lượng khách quốc tế đến Hà Nội quý I tăng cao so cùng kỳ. Mặt khác, để thu hút khách quốc tế đến Hà Nội, ngành du lịch Hà Nội đã tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch và phát triển thương hiệu du lịch.

- *Khách nội địa*: Tháng Ba, khách trong nước đến Hà Nội ước đạt 818 nghìn lượt khách, giảm 0,1% so tháng trước và tăng 6,2% so cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm 2017, khách trong nước đến Hà Nội đạt 2.451 nghìn lượt khách, tăng 5,6% so cùng kỳ.

Các tour du lịch nội địa kết hợp với hoạt động lễ hội đang là xu thế chính của các tour du lịch đầu năm, lượng khách nội địa đi lễ hội, đền chùa vào sau Tết Nguyên đán tăng khá.

- *Doanh thu du lịch*: Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng Ba tăng 1,1% so tháng trước và tăng 9,3% so cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước tăng 7,1% so cùng kỳ.

4.4. Vận tải

Tháng Ba, khối lượng hàng hóa vận chuyển giảm 0,6% so tháng trước và tăng 7,1% so cùng kỳ, khối lượng hàng hóa luân chuyển giảm 0,8% và tăng 7,8%, số lượt hành khách vận chuyển giảm 0,2% và tăng 9,9%, số lượt hành khách luân chuyển giảm 0,7% và tăng 9,4%.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2017, khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng 8% so cùng, khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng 8,8%, số lượt hành khách vận chuyển tăng 9,5%, số lượt hành khách luân chuyển tăng 9,7%.

Doanh thu vận tải tháng Ba giảm 0,5% so tháng trước và tăng 6,9% so cùng kỳ. Lũy kế 3 tháng đầu năm, doanh thu vận tải ước tăng 7,9% so cùng kỳ.

4.5. Thị trường giá cả

Ba tháng đầu năm 2017 nhìn chung chỉ số giá tiêu dùng tương đối ổn định và không có biến động nhiều. Giá lương thực ổn định do nguồn cung dồi dào chỉ tăng nhẹ vào tháng Một là tháng Tết do nhu cầu tiêu dùng những loại gạo ngon vào dịp Tết. Nhóm hàng thực phẩm lại có xu hướng giảm do thời tiết năm nay ẩm áp thuận lợi cho rau sinh trưởng khiến cho nhóm rau liên tục giảm với mức giảm mạnh. Một số loại thực phẩm khác như thịt bò, thịt gà cũng tương đối ổn định. Giá thịt lợn trong 3 tháng đầu năm có xu hướng giảm do Trung Quốc tạm ngừng nhập khẩu thịt lợn khiến cho một lượng lớn những con lợn đến thời hạn phải xuất chuồng không bán được, người chăn nuôi phải giảm giá lợn hơi xuống mức thấp để bán vì vậy giá thịt lợn giảm (ngay cả tháng Tết giá thịt lợn vẫn không tăng). Một số mặt hàng tiêu dùng khác như quần áo mùa đông giảm giá liên tục do miền Bắc đang chuyển sang mùa hè. Giá vật liệu xây dựng nhìn chung ổn định. Trong quý I, giá gas đun được điều chỉnh tăng 2 lần và giảm 1 lần, giá xăng dầu vẫn ở mức cao.

5. Sản xuất nông nghiệp

5.1. Trồng trọt

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố từ đầu năm đến nay có nhiều thuận lợi cho việc thu hoạch cây vụ đông và gieo trồng cây vụ xuân; hoạt động chăn nuôi được người dân và chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo kịp thời.

5.1.1. Tình hình sản xuất vụ đông

Đến nay toàn Thành phố đã thu hoạch xong hầu hết các loại cây trồng vụ đông. Diện tích cây vụ đông đạt 38.381 ha, giảm 8,8% so cùng kỳ. Trong đó, cây ngô đạt 9.487 ha, giảm 5,2% so cùng kỳ; khoai lang 2.383 ha, giảm 11,7%; đậu tương 6.908 ha, giảm 34,8%; lạc 442 ha, giảm 4,8%; rau các loại 15.520 ha, tăng 5,6%.

Về năng suất, nhìn chung nhiều loại cây trồng vụ đông năm nay đều cho năng suất cao hơn so với cùng kỳ. Cây ngô 47,8 tạ/ha, tăng 1,4% so cùng kỳ; khoai lang 104,8 tạ/ha, tăng 5,2%; đậu tương 17,3 tạ/ha, tăng 12,1%; lạc 22,2 tạ/ha, tăng 15,7%; rau các loại 216,7 tạ/ha, tăng 4,3% so với vụ đông năm trước.

Về sản lượng, do diện tích gieo trồng năm nay giảm nên sản lượng cũng bị sụt giảm theo. Trong đó một số cây trồng chính như: Cây ngô 45.353 tấn, giảm 3,9%; khoai lang 24.981 tấn, giảm 7,1%; đậu tương 11.916 tấn, giảm 26,9%; lạc 978 tấn, tăng 10,2%; rau các loại 336.328 tấn, tăng 10,2% so với vụ đông năm trước.

5.1.2. Tình hình sản xuất vụ xuân

Do thời tiết nắng ấm nên nhiều cây trồng vụ xuân được gieo trồng trong khung thời vụ tốt nhất. Đến nay, toàn Thành phố đã hoàn thành công tác gieo cấy lúa xuân với diện tích lúa đã cấy 99.640 ha, đạt 100% kế hoạch đề ra và tăng 0,2% so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng các loại hoa màu vụ xuân đạt 21.241 ha, tăng 11,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Ngô 5.955 ha, tăng 9,7%; khoai lang 441 ha, giảm 17,7%; đậu tương 538 ha, giảm 11,1%; rau đậu các loại 9.071 ha, tăng 6,9%; các loại cây hàng năm khác 5.236 ha, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2016.

Tính chung vụ đông xuân 2017 toàn Thành phố đã gieo trồng 159.262 ha, giảm 0,8% cùng kỳ. Trong đó: Lúa 99.640 ha, tăng 0,2%; ngô 15.442 ha, tăng 0,1%; khoai lang 2.824 ha, giảm 15,2%; đậu tương 7.446 ha, giảm 33,5%; rau đậu các loại 27.167 ha, tăng 6,3%; cây hàng năm khác 6.743 ha, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2016. Nhìn chung diện tích gieo trồng vụ đông xuân năm 2017 giảm so với cùng kỳ là do giảm diện tích gieo trồng cây vụ đông.

Hiện nay, các loại cây trồng đang trong giai đoạn sinh trưởng tốt. Lúa đang ở giai đoạn hồi xanh, đẻ nhánh, trà sớm đang ở giai đoạn sinh trưởng đẻ nhánh, trà trung đẻ nhánh rõ; cây ngô xuân đang ở giai đoạn 8-9 lá; cây lạc đang ở giai đoạn 8 lá; cây đậu tương đang ở giai đoạn 7-8 lá. Tuy nhiên đã xuất hiện sâu bệnh gây hại nhẹ cục bộ trên một số cây như ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ trên lúa, ngô; bọ nhảy trên rau họ hoa thập tự;...

5.1.3. Cây lâu năm

Tổng diện tích cây lâu năm trồng mới toàn Thành phố ước đạt 808 ha, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Một số cây ăn quả như cam, bưởi, táo được thu hái nhiều trong dịp tết Nguyên đán. Năm 2016 sản lượng thu hoạch của một số loại cây như: Chuối 77.050 tấn, tăng 4,9%; đu đủ 16.750 tấn, tăng 13,2%; cam 8.899 tấn, tăng 34,8%; bưởi 42.823 tấn, tăng 12,7%; táo 8.599 tấn, tăng 5,4%; chè búp 24.884 tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

5.2. Chăn nuôi

Số lượng đàn gia súc, gia cầm hiện có như sau: Đàn trâu 23.900 con, giảm 3,9% so với cùng kỳ; đàn bò 135.500 con, giảm 3,1% (trong đó, bò sữa 15.392 con, tăng 7,1%); đàn lợn 1.435 nghìn con, tăng 0,9%; đàn gia cầm 25,4 triệu con, tăng 7% (trong đó, đàn gà 18,9 triệu con, tăng 9,7%) so với cùng kỳ.

Tình hình chăn nuôi từ đầu năm đến nay, nhìn chung ổn định. Trong quý I/2017, đàn gia súc, gia cầm có biến động mạnh do xuất chuồng, giết mổ thịt phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu. Nhìn chung chăn nuôi của Hà Nội thời gian qua phát triển tương đối mạnh, nhất là các trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm. Tuy nhiên vì đầu tư tăng nhanh, nhưng thị trường đầu ra chưa ổn định, do vậy trong quý I sản phẩm thịt hơi xuất chuồng bị rớt giá, người chăn nuôi bị ảnh hưởng, nhất là những hộ mới đầu tư chăn nuôi lợn. Để khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 về việc hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được các cấp phê duyệt vay vốn từ quỹ khuyến nông đầu tư cho sản xuất nông nghiệp nên các trang trại chăn nuôi khả năng vẫn phát triển và ổn định.

Từ đầu năm đến nay trên địa bàn Thành phố đã không xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm như lở mồm long móng gia súc, lợn tai xanh, cúm gia cầm. Chi cục Thú y Thành phố phối hợp với các quận, huyện, thị xã tiếp tục tổ chức tiêm phòng đại trà cho đàn gia súc, gia cầm như vắc xin 4 bệnh đỏ; vắc xin tai xanh; vắc xin cúm gia cầm; vắc xin dại;...

5.3. Lâm nghiệp, thủy sản

- *Lâm nghiệp*: Diện tích trồng rừng mới trong tháng Ba đạt 20,5 ha, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Tính chung 3 tháng, diện tích rừng trồng mới ước đạt 36,5 ha tăng 4,3% so cùng kỳ năm trước.

Thực hiện Chỉ thị số 10278/CT-BNN-TCLN ngày 06/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp xuân Đinh Dậu năm 2017; Với mục tiêu xây dựng Thủ đô ngày càng “xanh - văn hiến - văn minh và hiện đại”, từng bước hiện thực hóa chương trình trồng mới 1 triệu cây xanh giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn Thành phố, đến nay toàn Thành phố đã trồng khoảng 400 nghìn cây xanh các loại.

Tình hình khai thác gỗ và lâm sản của thành phố Hà Nội chủ yếu là diện tích rừng trồng đến kỳ cho thu hoạch và cây lâm nghiệp trồng phân tán. Trong tháng 3, sản lượng gỗ, củi khai thác ước đạt: Gỗ 800 m³, giảm 11,1%; củi 2.400 Ste, giảm 7,7% so với cùng kỳ. Tính chung 3 tháng đầu năm 2017, khai thác gỗ

ước đạt 2.400 m³, giảm 3,2%; cũi khai thác ước đạt 11.000 Ste, giảm 4,1% so với cùng kỳ.

Cũng trong quý I đã xảy ra 04 vụ cháy rừng tại huyện Sóc Sơn gây thiệt hại 7,6 ha nhưng đã được dập lửa kịp thời nên thiệt hại không lớn. Kết quả thừa hành pháp luật từ đầu năm đến nay đã xử lý 04 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 4,5 m³, phạt hành chính và bán lâm sản tịch thu được 159 triệu đồng nộp ngân sách.

- *Thủy sản*: Hiện nay, mực nước các sông hồ đang ở mức thấp, các cơ sở nuôi trồng thủy sản đã và đang tăng cường đầu tư, củng cố, vệ sinh ao, hồ cho vụ thả mới. Từ đầu năm đến nay các hộ nuôi thủy sản đã và đang thu hoạch sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và sau dịp Tết Nguyên đán.

Diện tích nuôi thả trong tháng 3 ước đạt 1.320 ha, tăng 7,3% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 3 tháng, diện tích nuôi thả đạt 21.549 ha, tăng 1,4% so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 5.853 tấn, giảm 5,6% so với cùng kỳ. Lũy kế, sản lượng thủy sản đạt 21.531 tấn, tăng 2,4% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thu hoạch trong tháng đạt 5.723 tấn, giảm 5,8%; lũy kế 3 tháng, sản lượng nuôi trồng thu hoạch đạt 21.203 tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Sản xuất giống thủy sản trong quý I/2017 ước đạt 549 triệu con cá giống các loại, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2016.

Nhìn chung, tình hình nuôi trồng thủy sản của thành phố Hà Nội về diện tích nuôi không biến động nhiều, nhưng sản lượng thu hoạch tăng là do các mô hình nuôi thả theo phương thức thâm canh, mô hình nuôi cá chép năng suất cao, cá rô phi đơn tính, cá lăng trong lồng... nên năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản cao hơn so với nuôi trồng truyền thống.

6. Trật tự xã hội, an toàn giao thông

Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội tháng Hai như sau:

- Phạm pháp hình sự: Trong tháng, đã phát hiện 332 vụ phạm pháp hình sự (trong đó, có 258 vụ do công an khám phá được với số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo Luật là 405 người).

- Tội phạm kinh tế: Đã phát hiện 260 vụ phạm pháp về kinh tế, bắt giữ 276 đối tượng và thu nộp ngân sách 37 tỷ đồng.

- Tội nạn xã hội: Đã xử lý hình sự 42 vụ cờ bạc và 7 vụ mại dâm; bắt giữ 274 đối tượng (trong đó, có 266 đối tượng vi phạm về cờ bạc).

Cũng trong tháng Hai, đã phát hiện và bắt giữ 169 vụ, với 207 đối tượng buôn bán, tàng trữ và vận chuyển ma túy. Trong đó, xử lý hình sự 140 vụ với 158 đối tượng.

- Tội phạm về môi trường: Trong tháng, đã phát hiện và xử lý 373 vụ, với 376 đối tượng vi phạm về bảo vệ môi trường. Thu nộp ngân sách 3.901 tỷ đồng.

- Trật tự an toàn giao thông: Trong tháng Hai, toàn Thành phố đã xảy ra 103 vụ tai nạn giao thông đường bộ và đường sắt, làm 41 người chết và 84 người bị thương. Trong đó, có 101 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 39 người chết và bị thương 84 người. *Về mức độ của tai nạn*: có 41 vụ nghiêm trọng, làm 41 người chết và bị thương 21 người; 28 vụ ít nghiêm trọng, làm 37 người bị thương.

- Vụ cháy: Trong tháng Hai, có 2 vụ cháy, làm thiệt hại khoảng 50 triệu đồng.

7. Tín dụng ngân hàng, thu chi ngân sách, thị trường chứng khoán

7.1. Tín dụng ngân hàng

7.1.1. Hoạt động huy động vốn

Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng đóng trên địa bàn tháng Ba ước đạt 1.668 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% so tháng trước và tăng 1,4% so tháng 12 năm trước. Trong tổng nguồn vốn huy động, tiền gửi tháng Ba ước đạt 1.548 nghìn tỷ, chiếm 92,8%, tăng 0,6% so tháng trước và tăng 1,4% so tháng 12 năm trước (trong đó, tiền gửi bằng đồng Việt Nam tăng 0,8% và 2,3%; tiền gửi tiết kiệm tăng 0,9% và 2%).

7.1.2. Hoạt động tín dụng

Tháng Ba, dư nợ tín dụng trên địa bàn ước đạt 1.498 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% so tháng trước và tăng 2,4% so tháng 12 năm trước. Trong đó, dư nợ ngắn hạn chiếm 55,9% , tăng 0,8% so tháng trước và tăng 1,7% so tháng 12. Trong tổng dư nợ thì dư nợ cho vay đạt 1.148 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,6%, tăng 1,4% so tháng trước và tăng 2,7% so tháng 12 năm trước (Trong đó: Dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn chiếm 7%; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 41,1%; cho vay bất động sản chiếm 8%; cho vay xuất khẩu chiếm 9,8%).

Thời gian qua, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã có những cố gắng tích cực trong việc xử lý nợ xấu và nâng cao chất lượng tín dụng. Ước hết quý I/2017, tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ còn 3,01% (tháng 12 năm trước 3,25%) và tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay còn 3,93% (tháng 12 năm trước là 4,26%). Đây là cố gắng lớn của các ngân hàng - tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc đáp ứng

vốn tín dụng cần thiết, góp phần tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7.2. Thu chi ngân sách

Ngay từ đầu năm, các giải pháp về thu ngân sách được các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ, khẩn trương. Thu nội địa quý I/2017 ước đạt 47.634 tỷ đồng; đạt 25,4% dự toán, tăng 17,1% so với cùng kỳ, trong đó:

- Thu từ dầu thô 808 tỷ đồng, đạt 44,9% dự toán và tăng 85,4% so với cùng kỳ.

- Thu nội địa ước thực hiện 46.826 tỷ đồng, đạt 25,2% dự toán năm, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách địa phương quý I ước thực hiện 13.021 tỷ đồng, đạt 16,7% dự toán năm và tăng 9,3% so với cùng kỳ.

7.3. Thị trường chứng khoán

Kế hoạch kinh doanh năm 2017 của các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục đưa ra ở mức khả quan đã tạo tâm lý cho các nhà đầu tư tin tưởng vào chính sách phát triển của nhà nước và doanh nghiệp trong năm.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/3, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 875 doanh nghiệp niêm yết (trong đó, HNX có 380 doanh nghiệp; Upcom có 495 doanh nghiệp), với giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 283.875 tỷ đồng, tăng 18,3% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 112.827 tỷ đồng, tăng 2,7%; Upcom đạt 171.048 tỷ đồng, tăng 31,6% so đầu năm). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 587.337 tỷ đồng, tăng 29,1% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 163.861 tỷ đồng, tăng 7,9%; Upcom đạt 423.476 tỷ đồng, tăng 39,7% so đầu năm).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/3, chỉ số HNX Index đạt 87,45 điểm, tăng 9,1% so đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 157,93 điểm, tăng 10%; chỉ số VNX Allshare đạt 1016,37 điểm, tăng 7,5% so đầu năm).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Ba, khối lượng giao dịch đạt 531 triệu CP (trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 502 triệu CP; giao dịch thỏa thuận đạt 29 triệu CP), với giá trị giao dịch đạt 5.807 tỷ đồng (trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 5.012 tỷ đồng; giao dịch thỏa thuận đạt 795 tỷ đồng). Bình quân 1 phiên giao dịch có 48 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị chuyển nhượng bình quân đạt 528 tỷ đồng, tăng 6% về khối lượng và 26% về giá trị so bình quân chung tháng Hai.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 1.828 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị đạt 18.273 tỷ đồng, bằng 86,2% về khối lượng và 85,8% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/3, chỉ số Upcom Index đạt 58,02 điểm, tăng 7,8% so đầu năm (chỉ số Upcom Premium đạt 105,23 điểm, tăng 5,5% so đầu năm).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Ba, khối lượng giao dịch đạt 151 triệu CP, giá trị giao dịch đạt 2.680 tỷ đồng, tăng 29,5% về khối lượng và 19,2% về giá trị so bình quân chung tháng trước.

Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 472 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị đạt 8.818 tỷ đồng, tăng 44% về khối lượng và 82,8% về giá trị so cùng kỳ năm trước.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư

Trong tháng Hai, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp được 200 mã giao dịch cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó, tổ chức 44; cá nhân 156). Lũy kế 2 tháng, VSD đã cấp được 313 mã giao dịch (trong đó, tổ chức 56; cá nhân 257) đưa tổng số mã VSD đã cấp đạt 20.572 mã giao dịch (trong đó, tổ chức 3.208; cá nhân 17.364).

Cũng trong tháng Hai, tài khoản của các nhà đầu tư được cấp mới đạt 19.973 tài khoản (trong đó, cá nhân trong nước 197.727; tổ chức trong nước 73; cá nhân nước ngoài 119; tổ chức nước ngoài 54). Lũy kế 2 tháng, tài khoản của các nhà đầu tư được cấp mới đạt 31.554 tài khoản, tăng 78,8% so cùng kỳ năm trước, đưa tổng số tài khoản hiện có đạt 1.740.774 tài khoản.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Khải

TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Giá so sánh 2010)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Phân theo ngành kinh tế	Thực hiện Quý I 2016	Ước tính Quý I 2017	Quý I 2017 Quý I 2016
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN	112987	120961	107.06
- Nông - lâm nghiệp, thủy sản	3515	3534	100.54
- Công nghiệp	23255	24697	106.20
- Xây dựng	4241	4721	111.32
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	22782	24502	107.55
- Vận tải, kho bãi	8215	8855	107.79
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2981	3192	107.08
- Thông tin và truyền thông	11209	12070	107.68
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	8696	9234	106.19
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	3771	3982	105.60
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2414	2600	107.71
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1128	1213	107.54
- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT-XH, quản lý NN và an ninh QP, đảm bảo xã hội bắt buộc	2051	2198	107.17
- Giáo dục và đào tạo	4224	4532	107.29
- Y tế và hoạt động cứu trợ XH	1378	1470	106.68
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	713	770	107.99
- Hoạt động dịch vụ khác	540	577	106.85
- Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	119	127	106.72
- Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	11755	12687	107.93
II. Chia theo 4 ngành lớn			
- Nông - lâm, thủy sản	3515	3534	100.54
- Công nghiệp, xây dựng	27496	29418	106.99
- Dịch vụ	70221	75322	107.26
- Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	11755	12687	107.93

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 02/2017		Ước tính tháng 03/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Ba so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 02/2016	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 03/2016	
Toàn ngành	119.77	106.34	128.36	113.64	105.84
Khai khoáng	10.17	114.25	10.89	77.43	36.49
- Khai khoáng khác	10.17	114.25	10.89	77.43	36.49
Công nghiệp chế biến, chế tạo	119.24	106.28	128.13	114.02	106.19
- Sản xuất chế biến thực phẩm	130.75	104.09	133.16	107.26	103.72
- Sản xuất đồ uống	36.96	103.40	37.64	103.75	100.76
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	149.34	111.81	166.20	112.16	109.18
- Dệt	70.29	94.34	77.92	89.49	84.92
- Sản xuất trang phục	252.19	97.02	266.21	135.61	111.90
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	23.18	24.89	29.14	45.97	29.64
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	146.01	130.86	168.28	141.05	124.95
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	87.24	153.68	96.26	110.18	122.17
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	262.26	111.57	235.76	117.41	115.49
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	100.77	114.19	106.70	98.71	103.39
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	46.43	130.09	52.53	109.23	107.61
- Sản xuất kim loại	46.73	121.89	54.65	111.50	102.07
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	61.22	124.45	69.07	110.32	104.22
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	62.40	115.16	75.97	115.34	104.11
- Sản xuất thiết bị điện	95.40	127.03	104.66	105.00	119.36

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 02/2017		Ước tính tháng 03/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Ba so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 02/2016	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 03/2016	
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu	43.14	123.23	47.42	101.29	100.17
- Sản xuất xe có động cơ	163.60	111.82	188.79	94.97	95.35
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	232.61	96.92	238.44	125.69	108.64
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	332.52	122.82	463.76	97.87	93.82
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	155.17	114.06	155.84	109.46	107.26
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	155.17	114.06	155.84	109.46	107.26
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	130.21	101.03	133.94	107.20	101.00
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	140.62	105.67	143.55	103.03	102.08
- Thoát nước và xử lý nước thải	141.10	93.45	151.66	108.04	94.65
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	104.06	101.34	103.00	116.44	107.44

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Ước tính		% so sánh	
		Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2017	<u>T 03/2017</u> <u>T 02/2017</u>	<u>Quý I 2017</u> <u>Quý I 2016</u>
- Bánh và kẹo các loại	Tấn	2262	7610	91.1	114.9
- Bia đóng chai	1000 Lít	9666	27552	107.7	101.2
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	116500	315320	111.3	109.2
- Vải dệt kim hoặc móc khác	1000 M ²	116	358	103.6	90.9
- Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	66	210	103.1	66.2
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	4028	11208	107.4	112.2
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần sóc cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	1683	4862	108.0	103.7
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, váy, quần dài, quần sóc cho trẻ em không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	1677	5377	108.1	161.9
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	5255	14798	102.7	124.0
- Bộ quần áo thể thao khác	1000 Cái		618	-	33.1
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	8599	25868	110.7	141.0
- Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	2315	8495	88.7	75.5
- Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn	Tấn	3259	6108	286.4	110.0
- Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy duplex khổ lớn)	Tấn	1615	4739	114.6	75.6
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhấn)	1000 Chiếc	6749	16810	115.4	82.6
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	193	544	102.7	94.3
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	12835	33313	110.2	215.5
- Phân bón các loại	Tấn	26636	79179	90.7	92.0
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	1079	2729	113.7	140.6
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu Viên	248	671	106.4	100.1
- Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	266472	785454	109.0	109.1
- Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	443	2168	55.6	136.7
- Vắc xin dùng làm thuốc thú y	1000 Liều		33288	-	128.1
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 Viên	55356	136779	138.5	92.1
- Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ (trừ bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp)	1000 Cái	113	300	102.7	106.8

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Ước tính		% so sánh	
		Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2017	T 03/2017 T 02/2017	Quý I 2017 Quý I 2016
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	116	377	100.0	113.2
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	98367	262309	125.9	86.9
- Tấm lợp bằng kim loại	Tấn	9330	24714	116.7	94.0
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm	M ²	743	1916	132.7	2.3
- Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu	Cái	497081	1164398	132.6	95.1
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	182	448	123.7	97.3
- Thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được phân vào đầu	1000 Cái	1377	4001	108.0	126.4
- Động cơ xoay chiều khác, đa pha có công suất bằng 750W	Chiếc	4200	9751	135.3	95.7
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng các loại	Chiếc	206	591	142.1	116.8
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất = 1 kVA	Chiếc	2359	6556	104.4	95.9
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA	Chiếc	22	41	244.4	17.7
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	6	17	100.0	39.5
- Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Cái	41219	121975	118.6	106.3
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái... công suất không quá 125W	1000 Cái	529	1310	102.4	141.3
- Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chờ được từ 10 người trở lên với tổng tải trọng = 6 tấn	Chiếc	1012	2835	104.7	120.8
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston các loại	Chiếc	1136	3047	114.7	98.8
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 Cái	566	1449	132.9	95.0
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	37591	99994	105.0	109.0
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh > 50 cc nhưng = 250cc	Chiếc	94701	277644	101.4	99.2
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	10882	32466	102.9	112.4
- Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	11545	33989	104.0	105.3
- Giường bằng gỗ các loại	Chiếc	27500	67730	123.4	81.3
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	42879	119021	110.8	105.3
- Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	522585	1287118	142.4	94.0
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1157	3459	100.4	107.3
- Nước uống được	M3	19610	57990	102.1	102.1

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	Thực hiện Quý I 2016	Ước tính Quý I 2017	<u>Quý I 2017</u> <u>Quý I 2016</u>
TỔNG SỐ	45569	49908	109.5
I. Vốn Nhà nước trên địa bàn	19185	18040	94.0
1. Vốn Trung ương quản lý	13198	12019	91.1
2. Vốn địa phương quản lý	5987	6021	100.6
II. Vốn ngoài Nhà nước	21934	27205	124.0
1. Vốn tự có của tổ chức, DN ngoài Nhà nước	16097	20473	127.2
2. Vốn đầu tư của dân cư	5837	6732	115.3
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	4450	4663	104.8
1. Vốn tự có	2688	2816	104.7
2. Vốn vay	1762	1847	104.9

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2017	<u>T03 2017</u> <u>T02 2017</u>	<u>Quý I 2017</u> <u>Quý I 2016</u>
1. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	182185	549032	100.9	107.6
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	53500	160447	100.8	109.0
+ Kinh tế ngoài nhà nước	119965	362242	100.9	107.0
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	8720	26343	100.5	107.9
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	135200	408705	100.9	108.2
+ Khách sạn - nhà hàng	4280	12587	101.2	107.7
+ Du lịch lữ hành	736	2183	100.6	103.9
+ Dịch vụ	41969	125557	100.7	105.7
2. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	42365	127402	101.3	107.1
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	5700	17326	101.1	104.6
+ Kinh tế ngoài nhà nước	32115	96362	101.5	107.7
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4550	13714	100.4	106.4
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	21300	64537	101.7	107.8
+ Khách sạn - nhà hàng	4280	12587	101.2	107.7
+ Du lịch lữ hành	736	2183	100.6	103.9
+ Dịch vụ	16049	48095	100.9	106.2
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)			-	-
+ Kinh tế Nhà nước	13.5	13.6	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.8	75.6	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.7	10.8	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2017	$\frac{T03\ 2017}{T02\ 2017}$	$\frac{Quý\ I\ 2017}{Quý\ I\ 2016}$
Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	829	2385	116.6	102.1
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>687</i>	<i>1978</i>	<i>116.5</i>	<i>102.8</i>
<i>Kim ngạch XK trên địa bàn chia theo thành phần kinh tế</i>				
- Kinh tế nhà nước	153	442	116.2	97.7
- Kinh tế ngoài nhà nước	261	749	116.8	102.5
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	415	1194	116.7	103.5
<i>Kim ngạch XK trên địa bàn chia theo nhóm hàng chủ yếu</i>				
- Hàng nông sản	70	194	119.5	74.9
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>19</i>	<i>53</i>	<i>118.8</i>	<i>71.8</i>
+ Cà phê	28	71	137.3	89.4
+ Hạt tiêu	7	18	112.1	53.0
+ Chè	6	19	120.0	130.5
- Hàng may, dệt	112	330	114.3	103.1
- Giày dép các loại và SP từ da	20	57	121.2	100.0
- Hàng điện tử	37	104	112.1	92.8
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	100	283	117.6	99.9
- Hàng thủ công mỹ nghệ	15	42	118.1	100.7
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	50	136	125.0	120.7
- Máy móc thiết bị phụ tùng	110	333	115.8	114.4
- Thủy tinh & các sản phẩm từ thủy tinh	25	74	125.0	87.6
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	70	196	116.7	124.0
- Hàng hoá khác	220	636	114.6	103.0

III. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2017	$\frac{T03\ 2017}{T02\ 2017}$	$\frac{Quý\ I\ 2017}{Quý\ I\ 2016}$
Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	2194	6353	100.6	116.5
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	959	2764	100.9	112.7
<i>Kim ngạch NK trên địa bàn chia theo thành phần kinh tế</i>				
- Kinh tế nhà nước	1347	3913	100.5	118.5
- Kinh tế ngoài nhà nước	374	1095	100.3	119.8
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	473	1345	101.3	108.7
<i>Kim ngạch NK trên địa bàn chia theo nhóm hàng chủ yếu</i>				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	496	1409	100.4	114.7
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	747	2120	100.2	115.1
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	135	371	100.1	117.0
+ Phân bón	21	64	100.2	93.9
+ Hoá chất	27	74	100.4	110.1
+ Chất dẻo	62	174	101.1	111.3
+ Xăng dầu	236	691	100.3	120.0
- Hàng hoá khác	951	2824	101.1	118.4

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 03	Thực hiện Quý I 2017	T03 2017 T02 2017	Quý I 2017 Quý I 2016
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	6105	18435	99.5	107.9
<i>a. Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế Nhà nước	1195	3612	99.6	106.5
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	4128	12455	99.5	108.6
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	782	2368	99.7	106.7
<i>b. Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Vận tải hàng hoá	2706	8140	99.6	107.9
+ Vận tải hành khách	1152	3460	99.7	109.9
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, xếp, đại lý vận tải...)	2247	6835	99.4	106.9
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	50	151	99.4	108.0
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.km)	3865	11686	99.2	108.8
- Khối lượng hành khách vận chuyển (Triệu HK)	83	250	99.8	109.5
- Khối lượng HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1883	5628	99.3	109.7

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

	Đơn vị tính	Chính thức Quý I 2016	Ước tính Quý I 2017	(%) So sánh
A. Nông nghiệp				
I. Trồng trọt				
1. Diện tích gieo cấy Lúa đông xuân	ha	99452	99640	100.2
2. Diện tích thu hoạch một số cây hàng năm	ha			
+ Ngô	"	10004	9487	94.8
+ Khoai lang	"	2698	2383	88.3
+ Đỗ tương	"	10586	6908	65.3
+ Rau các loại	"	14696	15520	105.6
3. Năng suất thu hoạch				
+ Ngô	Tạ/ha	47.2	47.8	101.4
+ Khoai lang	"	99.7	104.9	105.2
+ Đỗ tương	"	15.4	17.3	112.1
+ Rau các loại	"	238.4	216.7	90.9
4. Sản lượng thu hoạch				
+ Ngô	Tấn	47171	45358	96.2
+ Khoai lang	"	26896	24982	92.9
+ Đỗ tương	"	16292	11916	73.1
+ Rau các loại	"	350281	336328	96.0
II. Chăn Nuôi				
- Đàn Trâu	1000 con	25	24	96.1
- Đàn Bò	"	140	136	96.9
- Đàn Lợn	"	1423	1435	100.9
- Đàn gia cầm	Triệu con	24	25	107.0
B. Lâm Nghiệp				
- Sản lượng gỗ khai thác	M ³	2480	2400	96.8
- Sản lượng củi khai thác	Ste	11467	11000	95.9
C. Thủy sản				
- Diện tích thủy sản nuôi thả	Ha	21240	21545	101.4
- Sản lượng thủy sản	Tấn	20689	21203	102.5

TÌNH HÌNH TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

	Đơn vị tính	Tháng 02/2017
1. Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	332
<i>Trong đó:</i>		
- Số vụ khám phá	Vụ	258
- Đối tượng bị bắt giữ	người	405
2. Tội phạm pháp kinh tế		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	260
- Đối tượng bị bắt giữ	người	276
3. Tội phạm ma túy		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	169
- Đối tượng bị bắt giữ	người	207
4. Tội phạm môi trường		
- Số vụ phát hiện và xử lý	Vụ	373
- Đối tượng bị xử lý	người	376
5. Trật tự an toàn giao thông		
- Số vụ tai nạn	Vụ	103

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 02/2017	Ước tính tháng 03/2017	% So sánh	
			$\frac{T\ 03/2017}{T\ 02/2017}$	$\frac{T\ 03/2017}{T\ 03/2016}$
I. Nguồn vốn huy động	1657769	1667716	100.6	115.3
1. Tiền gửi	1538166	1547995	100.6	113.8
- Tiền gửi tiết kiệm	592429	598003	100.9	106.5
- Tiền gửi thanh toán	945737	949992	100.4	118.9
2. Phát hành giấy tờ có giá	119603	119721	100.1	140.0
Trong đó: Đồng Việt Nam	119461	119578	100.1	140.1
II. Tổng dư nợ	1480700	1498468	101.2	116.8
- Dư nợ ngắn hạn	831189	837816	100.8	114.3
- Dư nợ trung và dài hạn	649511	660652	101.7	120.1

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THU CHI NGÂN SÁCH

Đơn vị: Tỷ đồng

	Dự kiến Quý I 2017	% so sánh	
		<u>Quý I 2017</u> D.toán năm	<u>Quý I 2017</u> Quý I 2016
I- TỔNG THU NỘI ĐỊA	47634	25.4	117.1
1. Thu từ dầu thô	808	44.9	185.4
2. Thu nội địa	46826	25.2	116.4
<i>Trong đó:</i>			
- Thu từ DN và cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	25181	21.2	110.2
- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	606	25.1	58.5
- Thuế bảo vệ môi trường	1046	19.5	80.8
- Thuế thu nhập cá nhân	5941	30.9	126.5
- Thu tiền sử dụng đất	10406	52.0	139.3
- Phí và lệ phí tính cân đối ngân sách	1912	27.1	197.6
- Thu lệ phí trước bạ	1498	29.8	108.6
II- TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13021	16.7	109.3

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ TẠI HÀ NỘI

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng Ba so với			Bình quân cùng kỳ
	Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	
1. Chỉ số giá tiêu dùng	99.94	104.33	100.35	105.00
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99.52	99.76	98.86	100.74
+ Lương thực	100.05	104.10	101.88	104.30
+ Thực phẩm	99.41	99.07	98.04	100.08
+ Ăn uống ngoài gia đình	99.62	100.07	100.00	101.24
- Đồ uống và thuốc lá	99.97	101.95	101.27	102.31
- May mặc, mũ nón, giày dép	99.87	101.17	99.82	101.44
- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100.29	103.77	101.56	103.01
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	100.03	101.14	100.19	101.36
- Thuốc và dịch vụ y tế	100.01	127.10	100.04	147.19
- Giao thông	100.39	113.60	104.33	109.48
- Bưu chính viễn thông	100.00	99.91	100.00	99.91
- Giáo dục	100.00	111.48	100.00	111.51
- Văn hoá, giải trí và du lịch	99.98	100.59	100.19	101.21
- Hàng hoá và dịch vụ khác	100.08	101.98	100.65	102.07
2. Chỉ số giá vàng	99.86	103.60	101.62	108.49
3. Chỉ số giá Đô la Mỹ	100.63	102.16	100.50	101.45

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
 ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150